



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn

Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1570

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 18/08/2026 đến ngày 24/08/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

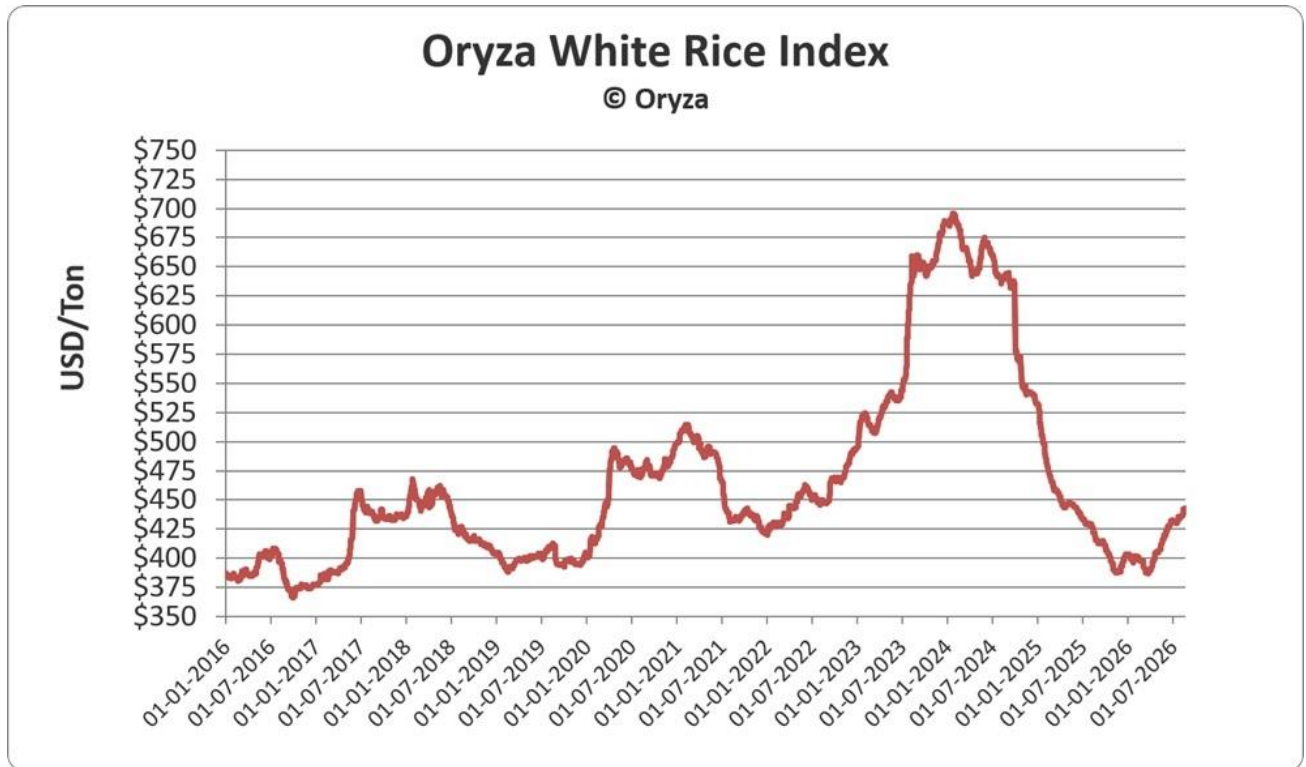
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

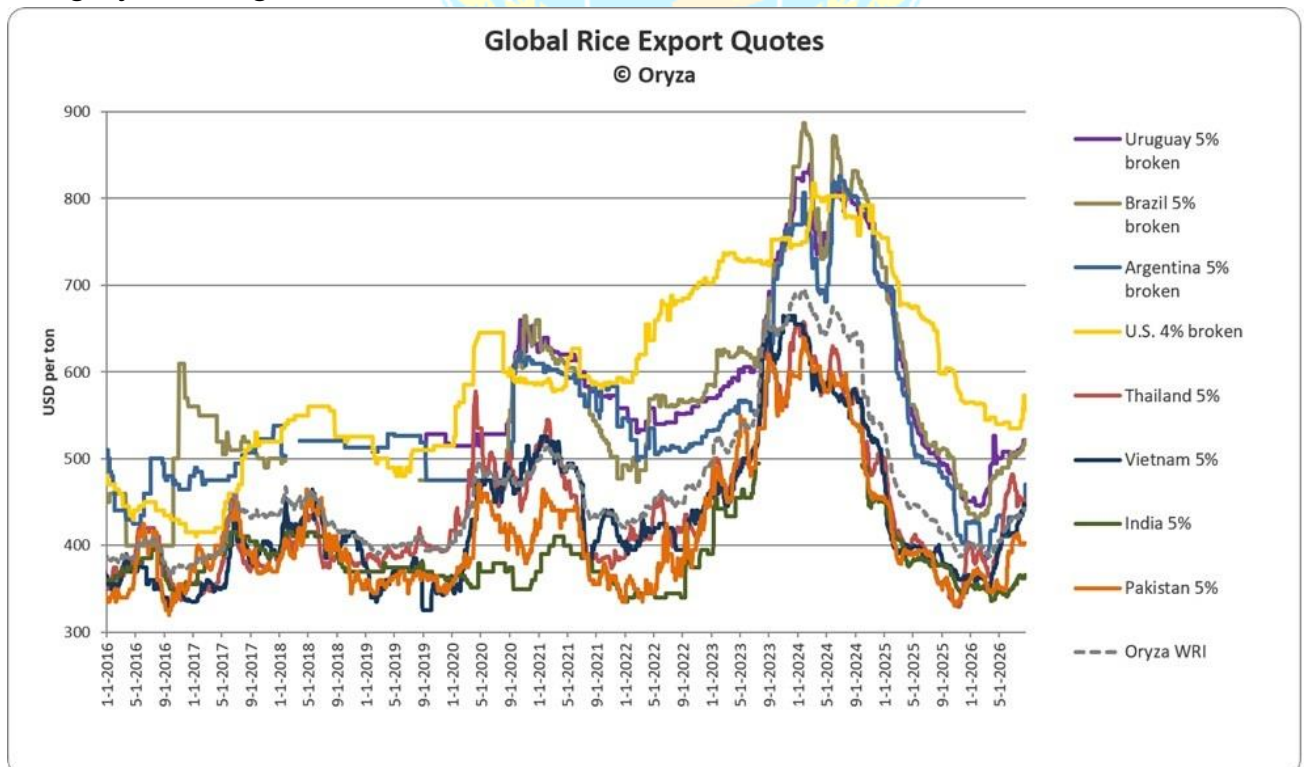
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	18 – 08		19 – 08		20 – 08		21 – 08	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	458	462	460	464	460	464	459	463
	5% tấm	448	452	450	454	450	454	449	453
	25% tấm	416	420	417	421	417	421	416	420
	Hom Mali 92%	1142	1146	1139	1143	1139	1143	1136	1140
	Gạo đỏ 100% Stxd	458	462	459	463	459	463	459	463
	A1 Super	365	369	364	368	364	368	363	367
VIỆT NAM	5% tấm	445	449	444	448	444	448	444	448
	25% tấm	421	425	421	425	421	425	421	425
	Gạo thơm 5% tấm	490	500	490	500	490	500	480	490
	Jasmine	539	543	539	543	539	543	539	543
	100% tấm	377	381	377	381	377	381	377	381
ẤN ĐỘ	5% tấm	361	365	362	366	362	366	364	368
	25% tấm	347	351	348	352	348	352	349	353
	Gạo đỏ 5% Stxd	366	370	367	371	367	371	367	371
	100% tấm Stxd	299	303	301	305	301	305	301	305
PAKISTAN	5% tấm	401	405	401	405	401	405	401	405
	25% tấm	376	380	376	380	376	380	376	380
	100% tấm Stxd	312	316	312	316	312	316	312	316
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	472	476	472	476	472	476	472	476
MỸ	4% tấm	571	575	571	575	571	575	553	557
	15% tấm (Sacked)	573	577	573	577	573	577	573	577
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	895	899	895	899	895	899	894	898

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



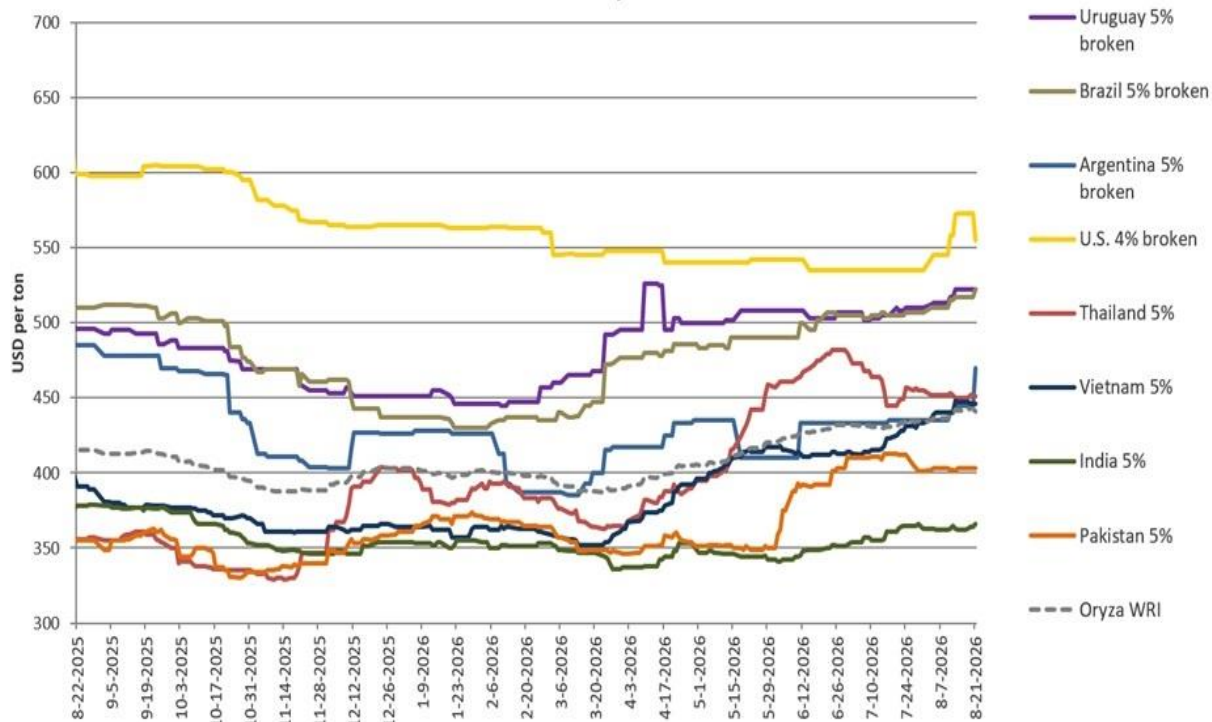
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 441 USD/tấn, giảm 1 USD/tấn so với tuần trước và tăng 9 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 25 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

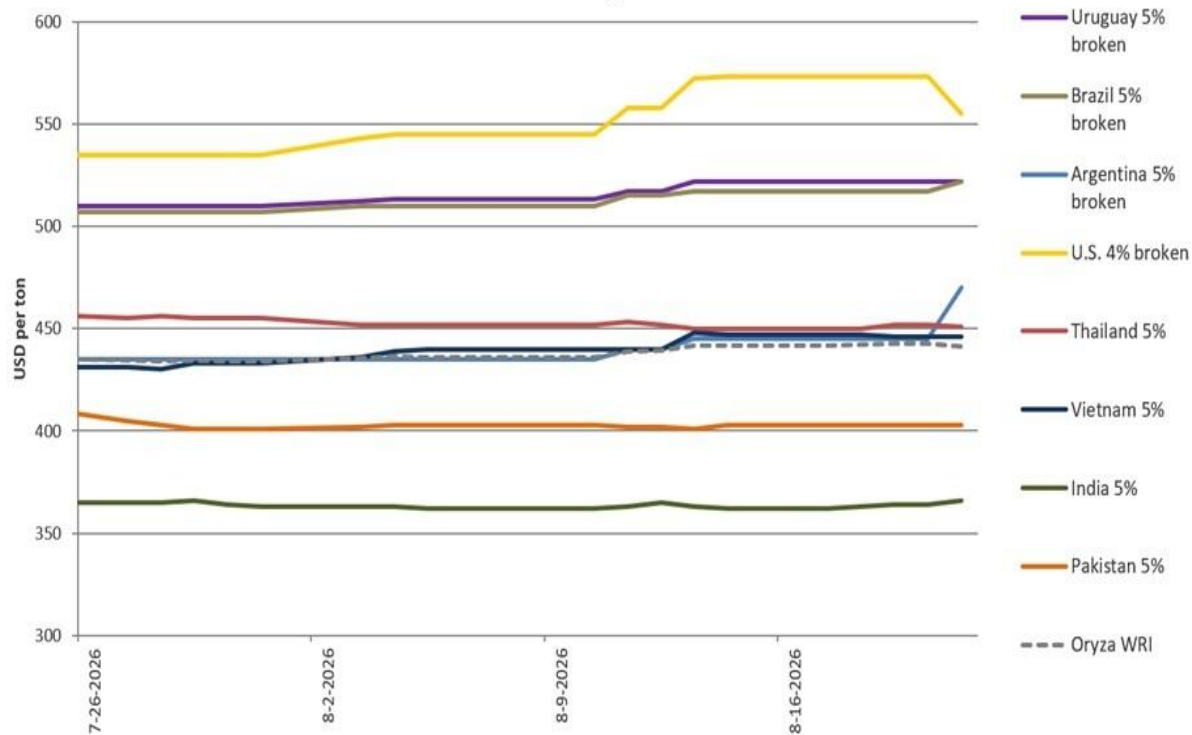
© Oryza

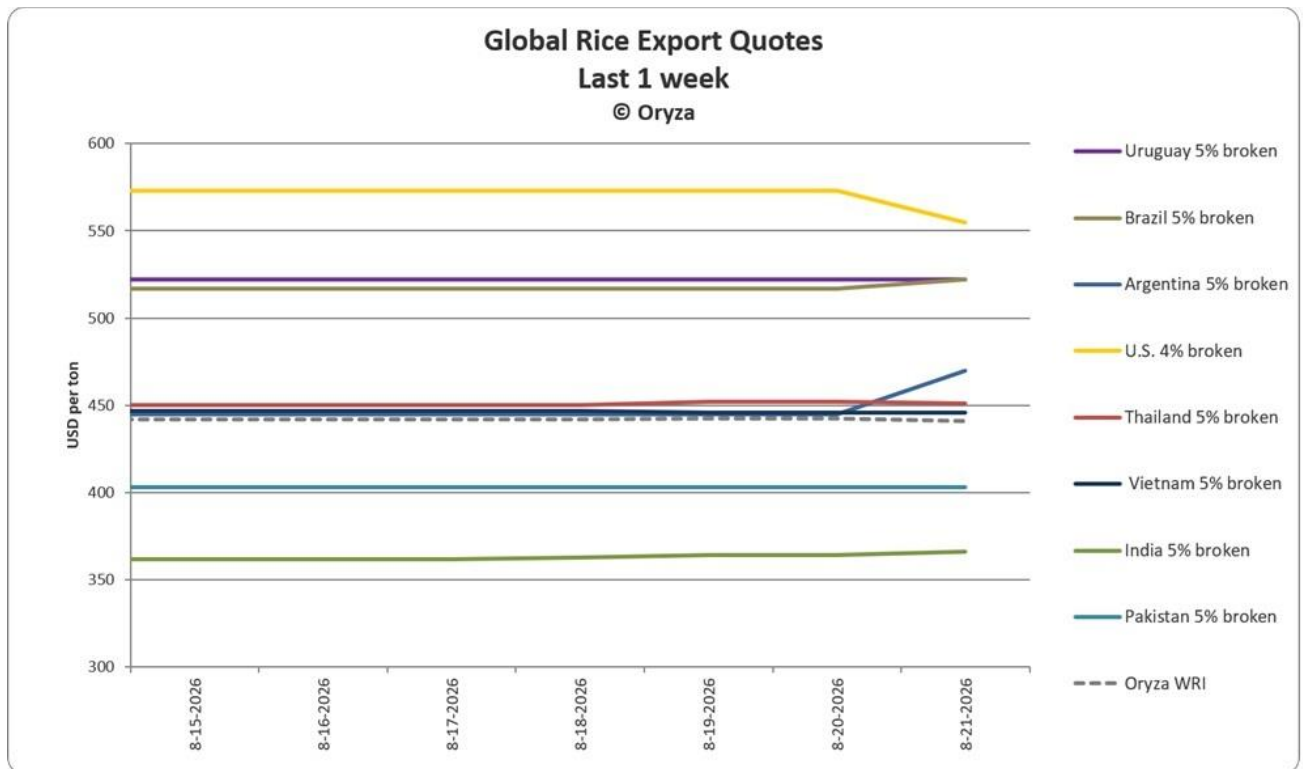


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





* Triển vọng thị trường gạo 2026/27

Thị trường gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 được đánh giá có xu hướng tích cực nhẹ đối với giá gạo, nhưng chưa đủ cơ sở để kỳ vọng một đợt tăng giá mạnh trong ngắn hạn. Theo Triển vọng Gạo tháng 8/2026 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo toàn cầu dự kiến đạt 537,3 triệu tấn, giảm khoảng 2% so với mức kỷ lục của năm trước, trong khi tiêu thụ vẫn duy trì ở mức kỷ lục 542,8 triệu tấn. Đáng chú ý, thương mại gạo toàn cầu được dự báo đạt mức kỷ lục 62,9 triệu tấn, còn tồn kho cuối kỳ giảm khoảng 3% xuống 192,6 triệu tấn. Diễn biến này cho thấy cán cân cung – cầu gạo toàn cầu đang bớt dư thừa, qua đó tạo nền tảng hỗ trợ cho giá gạo. Tuy nhiên, lượng tồn kho vẫn ở mức tương đối cao và tập trung chủ yếu tại Trung Quốc và Ấn Độ, hai nước hiện nắm giữ khoảng 82% tồn kho gạo toàn cầu, do đó chưa thể xem đây là dấu hiệu của tình trạng thiếu hụt gạo trên phạm vi toàn cầu.

Về phía nhu cầu, Trung Quốc là yếu tố đáng chú ý khi nước này đang gia tăng nhập khẩu gạo, đặc biệt là gạo tám sử dụng trong ngành thức ăn chăn nuôi. Việc Trung Quốc tăng mua có thể làm giảm lượng gạo sẵn có cho xuất khẩu tại khu vực châu Á và tạo thêm dư địa tăng giá cho các nước xuất khẩu như Việt Nam, Thái Lan, Pakistan và Ấn Độ. Nếu xu hướng nhập khẩu của Trung Quốc tiếp tục duy trì, đây sẽ là một trong những yếu tố hỗ trợ quan trọng đối với mặt bằng giá gạo châu Á trong thời gian tới.

Bên cạnh yếu tố cung – cầu, El Niño và trạng thái khi phía Tây Ấn Độ (IOD) dương đang tạo thêm rủi ro đối với nguồn cung gạo. El Niño mạnh lên có

khả năng gây ra điều kiện thời tiết nóng và khô hơn tại một số khu vực sản xuất nông nghiệp lớn ở Nam và Đông Nam Á, qua đó ảnh hưởng đến năng suất lúa. Đặc biệt, nếu lượng mưa tại Ấn Độ suy giảm đáng kể, nguồn cung xuất khẩu của nước này có thể bị ảnh hưởng và tạo áp lực tăng lên giá gạo quốc tế. Tuy nhiên, IOD dương có khả năng phần nào bù đắp tác động khô hạn của El Niño và cải thiện lượng mưa tại Ấn Độ vào cuối mùa. Do đó, tại thời điểm hiện tại, El Niño nên được xem là một rủi ro tăng giá đối với gạo hơn là dấu hiệu chắc chắn về một đợt thiếu hụt nguồn cung toàn cầu.

Chi phí vận tải cao hơn có thể làm tăng giá thành xuất khẩu và giá giao đến người mua, đặc biệt đối với những mặt hàng có giá trị trên đơn vị trọng lượng thấp và biên lợi nhuận tương đối mỏng như gạo. Trong trường hợp chi phí vận chuyển tiếp tục duy trì ở mức cao, một phần chi phí có thể được chuyển sang người mua, qua đó hỗ trợ mặt bằng giá gạo quốc tế. Tuy nhiên, chi phí logistics tăng cũng có thể gây áp lực lên biên lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu nếu giá bán không tăng tương ứng. Do đó, tác động của yếu tố logistics đến giá gạo sẽ phụ thuộc vào khả năng chuyển phần chi phí gia tăng sang giá bán và diễn biến cước vận tải trong thời gian tới.

Philippines

Chính phủ Philippines sẽ tiếp tục chương trình hỗ trợ gạo miễn phí cho các hộ gia đình nghèo và dễ bị tổn thương, hướng tới hơn 5 triệu hộ, với mức 10 kg gạo mỗi tháng trong sáu tháng theo Quỹ Hỗ trợ Chính quyền Địa phương (Local Government Support Fund) năm 2026, với ngân sách khoảng 58 tỷ PHP. Gạo dự kiến sẽ được mua từ nông dân trong nước, qua đó hỗ trợ nhu cầu nội địa và thu nhập của nông dân, đồng thời giúp các hộ gia đình bị ảnh hưởng ứng phó với giá lương thực cao. Bên cạnh chương trình gạo trợ giá 20 PHP/kg, chương trình này cho thấy Manila tiếp tục can thiệp vào thị trường gạo thông qua cả các biện pháp hỗ trợ người tiêu dùng và các chính sách nhằm củng cố lực lượng sản xuất trong nước.

Giá gạo bán lẻ bình quân tại Philippines tăng nhẹ vào đầu tháng 8, với gạo xay xát thường tăng lên 49,61 PHP/kg từ mức 49,30 PHP/kg vào đầu tháng 7, sau khi giảm từ 49,67 PHP/kg vào giữa tháng 6. Trong khi đó, gạo xay xát kỹ vẫn ở mức cao 55,69 PHP/kg vào giữa tháng 7. Mức tăng khiêm tốn của gạo xay xát thường cho thấy đà giảm giá bán lẻ gần đây có thể đang mất động lực, trong khi giá vẫn chịu ảnh hưởng bởi nguồn cung và nhu cầu trong nước cũng như các điều kiện thị trường rộng hơn.

Trung Quốc

Theo Reuters dẫn số liệu từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, Tổng sản lượng lúa vụ sớm của Trung Quốc trong năm 2026 đạt 28,292 triệu tấn,

giảm 0,8% so với một năm trước. Lúa vụ sớm thường là vụ có quy mô nhỏ nhất trong ba vụ lúa hằng năm của Trung Quốc. Mức giảm tương đối khiêm tốn này, xét riêng, khó có khả năng làm thay đổi đáng kể tình hình nguồn cung gạo tổng thể của Trung Quốc, đặc biệt do vụ lúa sớm chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng sản lượng hằng năm. Hai vụ lúa lớn hơn là vụ giữa và vụ muộn sẽ có vai trò quan trọng hơn trong việc quyết định tổng sản lượng gạo cả năm. Diễn biến này diễn ra trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục tập trung nâng cao năng suất ngũ cốc thông qua tăng năng suất, cải thiện giống, ứng dụng công nghệ và phát triển các vùng đất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn cao.

Bangladesh

Vụ lúa Aman của Bangladesh đang đối mặt với chi phí sản xuất gia tăng và rủi ro về năng suất khi lượng mưa trong tháng 8 suy giảm và tình trạng thiếu điện buộc nông dân phải phụ thuộc nhiều hơn vào tưới bổ sung trong giai đoạn cao điểm cấy lúa. Mặc dù lượng mưa trong tháng 7 đủ để chuẩn bị luống gieo mạ, nông dân tại một số khu vực hiện đang phải chi khoảng 2.000 taka (16 USD)/bigha (khoảng 63,27 USD/ha) cho việc tưới bổ sung. Tuy nhiên, tiến độ gieo cấy nhìn chung vẫn đúng kế hoạch, với khoảng 96% diện tích Aman mục tiêu tại khu vực nông nghiệp Rangpur đã được cấy tính đến ngày 18/8. Bangladesh đã đạt sản lượng Aman kỷ lục 17,3 triệu tấn trong năm tài chính 2025/26 và đặt mục tiêu cao hơn 18 triệu tấn cho vụ hiện tại. Hiện tại, tình hình chủ yếu là vấn đề về chi phí và rủi ro tiềm ẩn đối với năng suất hơn là một sự thiếu hụt mùa vụ đã được xác nhận. Tuy nhiên, nếu tình trạng thiếu mưa kéo dài và nguồn điện phục vụ tưới tiêu tiếp tục không ổn định, áp lực lên sản lượng và năng suất có thể gia tăng.

Bangladesh đã trở thành quốc gia có năng suất lúa cao nhất Nam Á, với năng suất lúa đạt khoảng 5,3 tấn/ha vào năm 2024, cao hơn Ấn Độ, Pakistan và Nepal, nhưng năng suất vẫn thấp hơn các quốc gia dẫn đầu thế giới như Trung Quốc, Mỹ và Úc. Thách thức chính ngày càng nằm ở việc áp dụng các công nghệ hiện có thay vì vấn đề thiếu công nghệ, khi mối liên kết yếu giữa nghiên cứu và nông dân, việc sử dụng phân bón và nước kém hiệu quả, cùng với mức độ cơ giới hóa hạn chế đang kìm hãm năng suất. Đồng thời, việc canh tác vụ Boro với cường độ cao đang gây áp lực lên nguồn nước ngầm, trong khi rủi ro khí hậu ngày càng gia tăng. Mặc dù Bangladesh sản xuất khoảng 41,9 triệu tấn gạo trong năm tài chính 2025, nước này vẫn phải nhập khẩu 1,44 triệu tấn sau khi lũ lụt gây thiệt hại cho nguồn cung trong nước, cho thấy mức độ dễ tổn thương của trạng thái gần như tự cung tự cấp. Do đó, tăng trưởng trong tương lai sẽ phụ thuộc vào việc cải thiện quản lý canh tác, áp dụng công nghệ,

cơ giới hóa, phát triển các giống lúa có khả năng chống chịu khí hậu và sử dụng nước cũng như phân bón hiệu quả hơn.

Nhật Bản

Thị trường gạo Nhật Bản đang nhanh chóng chuyển từ thiếu hụt sang dư cung, với giá gạo vụ 2026 được dự báo giảm mạnh khi sản lượng tăng làm nguồn cung mở rộng. Giá thu mua tại khu vực sản xuất gạo lớn nhất của Nhật Bản được cho là thấp hơn khoảng 40% so với năm trước và đã giảm xuống dưới mức chi phí sản xuất ước tính. Đà giảm này diễn ra sau giai đoạn giá gạo tăng vọt trong 2024–25, khi giá cao khuyến khích nông dân mở rộng sản xuất. Hiện nay, giá giảm có thể làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông dân và khiến họ giảm diện tích trồng lúa hoặc chuyển sang các loại cây trồng khác, từ đó có khả năng làm nguồn cung thắt chặt trở lại trong các vụ sau. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy tính chu kỳ của thị trường nông nghiệp, trong đó giá cao khuyến khích tăng sản lượng, cuối cùng dẫn đến dư cung và tạo áp lực giảm giá.

Hàn Quốc

Giá gạo và các nguyên liệu thực phẩm tăng tại Hàn Quốc đang đẩy chi phí ăn uống bên ngoài tăng cao, với giá trung bình của một cuộn gimbap tại Seoul đạt 3.838 won vào tháng 6/2026, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng nhanh nhất trong tám mặt hàng ăn uống chủ yếu được Cơ quan Người tiêu dùng Hàn Quốc theo dõi. Giá gạo tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước trong quý II, cùng với giá trứng và rong biển tăng, đang làm gia tăng chi phí của các nhà hàng, trong khi chi phí lao động cao hơn tiếp tục tạo thêm áp lực. Lạm phát giá gimbap tăng lên 4,5% trên toàn quốc trong tháng 7, cho thấy chi phí nông sản và chi phí vận hành ở mức cao vẫn tiếp tục được truyền dẫn vào giá thực phẩm tiêu dùng, khiến khả năng giá ăn uống bên ngoài giảm đáng kể trong ngắn hạn là khó xảy ra.

Hàn Quốc đang mở rộng các chương trình phát triển nông nghiệp ở nước ngoài bằng cách kết hợp các giống lúa năng suất cao, kỹ thuật canh tác thông minh thích ứng với khí hậu và cơ giới hóa nhằm cải thiện an ninh lương thực, đồng thời tạo ra các thị trường mới cho công nghệ nông nghiệp Hàn Quốc. Tại Mông Cổ, hỗ trợ của Hàn Quốc đã giúp quốc gia này đạt được vụ thu hoạch lúa nội địa thành công đầu tiên vào năm 2025, sử dụng giống Jinbulbyeo có thời gian sinh trưởng ngắn và các phương pháp canh tác chuyên biệt phù hợp với mùa vụ ngắn. Hàn Quốc cũng đang mở rộng sáng kiến K-Rice Belt tại bảy quốc gia châu Phi, nơi sản xuất giống và năng suất lúa bình quân đã tăng hơn gấp đôi kể từ năm 2023, với tham vọng sản xuất đủ gạo để cung cấp cho hàng triệu người. Tại Uzbekistan, công nghệ cấy lúa của Hàn Quốc đã giúp

giảm 70% nhu cầu lao động và tăng 52% năng suất. Các dự án này ngày càng vượt ra ngoài việc chuyển giao từng công nghệ riêng lẻ, thay vào đó kết hợp giống, máy móc và phương thức canh tác thông minh thích ứng với khí hậu với cơ sở hạ tầng tưới tiêu, lưu trữ, chế biến và phân phối. Đối với các doanh nghiệp nông nghiệp Hàn Quốc, điều này tạo ra những cơ hội ngày càng lớn trong các lĩnh vực giống, máy móc nông nghiệp, tưới tiêu, phân bón, thiết bị xay xát và các công nghệ khác, đồng thời giúp các quốc gia giảm sự phụ thuộc vào gạo nhập khẩu.

Tổng công ty Thương mại Nông – Thủy sản và Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã mở thầu 167.441 tấn gạo trong đợt đấu thầu TRQ lần thứ sáu, kết thúc vào ngày 11/8/2026. Trong đó, Trung Quốc dành được 117.439 tấn gạo lúa hạt ngắn với giá 895,40–899,55 USD/tấn, còn Mỹ dành được 50.002 tấn gạo lúa hạt trung bình với giá 843,39–922,00 USD/tấn. Tuy nhiên, 51.111 tấn gạo có nguồn gốc từ Mỹ vẫn chưa được trúng thầu sau khi cả tám lô đều thất bại, bao gồm 11.111 tấn gạo lúa hạt trung bình và 40.000 tấn gạo xay xát hạt trung bình.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 522 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 14 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 26 USD/tấn so với một năm trước.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 470 USD/tấn, tăng khoảng 25 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 35 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 15 USD/tấn so với một năm trước.

Brazil, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 522 USD/tấn, tăng khoảng 5 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 17 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 12 USD/tấn so với một năm trước.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm của Mỹ hiện được báo giá khoảng 555 USD/tấn, giảm khoảng 18 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 20 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 44 USD/tấn so với một năm trước.

Triển vọng Gạo tháng 8/2026 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cho thấy thị trường gạo Mỹ đang thắt chặt đáng kể, mặc dù dự báo sản lượng đã được điều chỉnh tăng nhẹ. Sản lượng niên vụ 2026/27 được dự báo đạt 158,4 triệu cwt, vẫn thấp hơn 23% so với năm trước và là mức thấp nhất trong 33 năm, trong khi diện tích thu hoạch ở mức thấp nhất kể từ niên vụ 1972/73. Nhập khẩu kỷ lục 49,8 triệu cwt (2,259 triệu tấn) được dự kiến sẽ giúp đáp ứng nhu cầu nội địa mạnh hơn, trong đó gạo thơm châu Á, đặc biệt là gạo jasmine từ Thái Lan và basmati từ Ấn Độ và Pakistan, chiếm tỷ trọng lớn trong lượng nhập

khẩu. Xuất khẩu được dự báo giảm 4%, trong khi tồn kho cuối kỳ vẫn thấp hơn 33% so với năm trước. Do đó, giá gạo bình quân tại trang trại đối với tất cả các loại gạo được dự báo đạt 14,90 USD/cwt (328,4 USD/tấn), tăng gần 20% so với cùng kỳ năm trước, trong khi giá gạo hạt dài dự kiến tăng 30%.

Trong tuần kết thúc ngày 13/8/2026, dữ liệu USDA cho thấy doanh số xuất khẩu ròng gạo Mỹ cho niên vụ 2026/27 đạt 38.800 tấn, dẫn đầu là Mexico với 30.600 tấn, tiếp theo là Guatemala 9.900 tấn, Hàn Quốc 5.600 tấn, Canada 1.500 tấn và Jordan 1.500 tấn. Trong khi đó, các nhà xuất khẩu gạo Mỹ đã vận chuyển 35.100 tấn, trong đó Nhật Bản nhận 13.000 tấn, Guatemala 9.900 tấn, Mexico 4.100 tấn, Canada 2.500 tấn và Hàn Quốc 1.900 tấn.

theo Talk Business & Politics, tiến độ thu hoạch lúa tại Arkansas đã đạt 7% diện tích gieo trồng, cao hơn mức 4% của năm trước và mức trung bình 5 năm là 3%, khi điều kiện nóng và khô bất thường trên khắp vùng Delta đã đẩy nhanh hoạt động ngoài đồng. Nông dân đang cho nước chảy qua một số cánh đồng để duy trì độ ẩm cho cây trồng trước khi thu hoạch, trong khi thời tiết khô thuận lợi được dự kiến sẽ hỗ trợ tốc độ thu hoạch nhanh trong tuần tới.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 366 USD/tấn, ít biến động so với tuần trước, tăng 4 USD/tấn so với tháng trước, giảm 11 USD/tấn so với cùng kỳ.

Thị trường gạo trắng tuần qua ít biến động. Giá nội địa vẫn duy trì ở mức cao do nguồn cung còn hạn chế, dù nhu cầu mới còn yếu. Các doanh nghiệp xuất khẩu vẫn chưa có đủ nguồn hàng để đáp ứng các đơn hàng, trong khi nhu cầu trong nước vẫn ổn định.

Hoạt động giao dịch gạo basmati vẫn diễn ra sôi động. Giá chào gạo xuất khẩu kết thúc tuần có xu hướng tăng, chủ yếu do lượng giao hàng sang Iran tăng nhưng nguồn cung còn hạn chế.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 451 USD/tấn, giảm 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm 20 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 49 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 403 USD/tấn, ít biến động so với tuần trước, giảm 9 USD/tấn so với tháng trước và tăng 48 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo trắng kết thúc tuần trầm lắng. Giá chào xuất khẩu gạo tuần qua ít biến động, trong khi giá nội địa có xu hướng tăng nhẹ do nhu cầu mua trong nước tiếp tục duy trì ổn định.

Miến Điện

Thị trường cho biết nguồn cung từ vụ mới dự kiến thu hoạch vào cuối tháng 9/2026. Nhu cầu từ Philippines đối với gạo trắng 5% tấm tuần qua còn hạn chế, các thương nhân ghi nhận nhu cầu đối với gạo trắng 25% tấm.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	18 - 08	19 - 08	20 - 08	21 - 08	24 - 08
Trung Quốc (CNY/USD)	6,74	6,74	6,73	6,72	6,72
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,86
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.813,61	17.876,98	17.815,90	17.773,64	17.692,62
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,06	4,06	4,06	4,05	4,04
Philippines Peso (PHP/USD)	61,54	61,82	61,78	61,71	61,69
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.412,96	1.411,69	1.388,66	1.393,62	1.386,54
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	159,36	159,59	158,48	158,86	158,85
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,61	95,79	95,60	95,73	95,72
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,80	2.099,25	2.099,61	2.099,53	2.099,74
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,56	277,57	277,52	277,66	277,55
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,02	33,09	32,87	32,85	32,67
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.181,45	26.188,46	26.166,06	26.108,43	26.118,24

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 24/08/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,243 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 603 ngàn tấn với năng suất khoảng 61,68 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3,72 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 382 ngàn ha/640 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 60%.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/08 đến 15/08/2026 đạt **230.273 tấn**, trị giá **118,424 triệu USD**. Lũy kế xuất khẩu đến ngày 15/08/2026 đạt **5,726 triệu tấn**, trị giá **2,742 tỷ USD** so với cùng kỳ về số lượng giảm 2,38% và về trị giá giảm 8,69% so với cùng kỳ năm 2025.

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/08 – 24/08/2026 có 11 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 127.050 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Quang Minh 6	HCM	27/07/2026	4,500	Malaysia
2	Phú An 368	HCM	28/07/2026	4,750	Malaysia
3	Nova	HCM	29/07/2026	48,000	Châu phi
4	Phú An 289	HCM	30/07/2026	5,000	Philippines
5	New Xa La	HCM	04/08/2026	4,100	Malaysia
6	Hoàng Phương Vigor	HCM	05/08/2026	4,750	Malaysia
7	Lucky Star 6	HCM	08/08/2026	7,300	Philippines
8	Phúc Thuận 289	HCM	10/08/2026	6,000	Philippines
9	Royal 18	HCM	10/08/2026	5,000	Malaysia
10	Vinh 02	HCM	11/08/2026	4,900	Malaysia
11	Thái Bình 38	HCM	15/08/2026	5,000	Philippines
12	Cetus Spade	HCM	16/08/2026	32,000	Châu phi
13	Vinh Quang Glory	Mỹ Tho	16/08/2026	3,150	Malaysia
14	Quang Minh 6	HCM	19/08/2026	4,850	Philippines
15	CL Xiangtan	HCM	24/08/2026	50,000	Châu phi
Tổng				189.300	

IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	20/08	+/-	20/08	+/-	20/08	+/-	20/08	+/-	20/08	+/-	20/08	+/-	20/08	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.550	-	6.500	-	6.350	-125	6.500	-	6.750	-50	6.750	-170	6.650	-300	6.750	6.579
Lúa thường	6.450	-	6.200	-	6.125	-125	6.200	-	6.150	-75	6.450	-	6.250	-100	6.450	6.261
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.950	-	7.900	-	7.793	-108	7.950	-	8.750	-			8.650	-300	8.750	8.165
Lúa thường	7.750	-	7.550	-	7.340	-110	7.450	-	8.200	-			8.250	-100	8.250	7.757
<u>Gao Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.750	-150	10.150	-100	9.750	-525	10.050	-225	10.000	-250			10.250	-400	10.250	9.992
Lứt loại 2	9.650	-150	9.700	50	9.550	-400	9.975	25	9.725	-225	9.975	-	9.750	-100	9.975	9.761
Xát trắng loại 1			11.350	-200			11.100	-300	11.350	50	11.350	-300	11.350	-300	11.350	11.300
Xát trắng loại 2			10.750	-			10.950	-100	10.850	-	10.950	-	10.750	-	10.950	10.850
<u>Phu Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.450	300	8.650	100	8.550	-	8.600	-	8.650	-100	8.650	-100	8.550	-200	8.650	8.586
Tấm 2/3			8.450	100	8.550	-			8.525	-			8.150	-100	8.550	8.419
Tấm 3/4	8.050	200	8.400	50	8.450	-100							8.150		8.450	8.263
Cám xát	7.250	-	7.500	-50	7.450	100	7.500	-	7.425	-	7.500	-50	7.050	-500	7.500	7.382
Cám lau	7.250	-	7.450	-	7.450	100	7.500	-	7.425	-	7.500	-150	7.150	-500	7.500	7.389
<u>Gao TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.100	-500	11.050	-	11.000	-600	11.500	-	11.300	50	11.500	-100	11.350	100	11.500	11.257
10%			10.950	-					10.700	-			11.250		11.250	10.967
15%	10.900	-500	10.850	-	10.800	-600	11.300	-	10.500	-	11.300	-100	10.950	-	11.300	10.943
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	10.700	-500	10.250	-	10.600	-600	11.100	-	9.900	-	11.100	-100	10.650	-	11.100	10.614
